

Bản án số: 105/2023/HSST
Ngày: 17/11/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Tuyết và bà Nguyễn Thị Hải

- *Thư ký phiên tòa:* bà Phan Thị Thuý Liên - Thư ký Tòa án huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch tham gia phiên tòa:*
Bà Dương Thị Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 97/2023/HSST ngày 10 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Thị H, sinh ngày 30/10/1967 tại huyện N, tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ 7, khu phố 1, phường B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; đoàn thể: không; con ông: Phạm Đình M (đã chết) và bà Trần Thị N; Chồng: Không có (hiện đang chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn với Nguyễn Văn L); Con: có 01 con, sinh năm 1997.

Tiền án: có 01 tiền án theo Bản án số 21 ngày 19/5/2005 bị Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tiền sự: không;

Quá trình nhân thân: Ngày 28/01/2003, bị công an huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xử phạt vi phạm hành chính 100.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”; Ngày 19/5/2005, bị Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 07/6/2006, bị Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 25/3/2009, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ra trại ngày 24/5/2009 về sinh sống tại địa phương.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh”. Bị cáo có Đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị hại: Chị Phan Thị Hải L, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn 7, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1971; nơi cư trú: Khu phố 1, phường B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Bình; Có mặt;
- Ông Hoàng Nam C, sinh năm 1964; nơi cư trú: Khu phố 1, phường B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Bình; Vắng mặt;
- Ông Nguyễn T, sinh năm 1971, nơi cư trú: thôn T, xã P, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế; Vắng mặt;
- Anh Phạm Tuấn V, sinh năm 1995, nơi cư trú: thôn V, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 00 ngày 20/01/2023, Phạm Thị H điều khiển xe mô tô đến thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, khi đến khu vực chợ Hoàn Lão, H để xe ở lề đường Quốc lộ 1A rồi đi bộ vào bên trong đình chợ. Khi đi qua gian hàng bán giày dép của chị Phan Thị Hải L thì thấy có 01 (một) điện thoại di động Iphone 11 Promax, màu xanh bị lỗi một phần ra bên ngoài túi áo phía bên trái của chị L, nên H nảy sinh ý định trộm cắp. H dùng tay phải lấy trộm Điện thoại di động của chị L rồi đút vào trong túi áo khoác và đi ra khỏi chợ. Đến ngày 03/2/2023, ông Nguyễn Văn L1 là người sống chung với bị cáo như vợ chồng thấy điện thoại di động trên nên hỏi H về nguồn gốc máy, H trả lời điện thoại được mua với giá 2.800.000 đồng và nói ông L1 tìm quán sửa mặt khẩu điện thoại. Ông L1 mang điện thoại đến Cửa hàng sửa chữa điện thoại di động Tuấn Vũ tại nhà số 70, đường Hùng Vương, phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình để hỏi việc mở mặt khẩu nhưng không được nên bán lại điện thoại trên cho Phạm Tuấn V với giá 3.000.000 đồng, rồi đưa tiền về cho Hương.

Tại Kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 08/02/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bố Trạch xác định: 01 ĐTDĐ Iphone 11 Promax, màu xanh, dung lượng 256Gb, đã qua sử dụng, trị giá 10.634.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bố Trạch đã thu giữ và trả lại cho bị hại Phan Thị Hải L 01 điện thoại di động Iphone 11 Promax, màu xanh, dung lượng 256Gb, đã qua sử dụng, không kiểm tra kết cấu, chất lượng bên trong. Thu giữ và xử lý trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Tuấn V số tiền 3.000.000 đồng. Thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Smash, màu xanh, BKS 73K6-5753, đã qua sử dụng, hiện chưa xử lý. Ngày 15/11/2023, Tòa án nhận được Đơn trình bày của ông Nguyễn Văn L1 với nội dung xác định xe mô tô BKS 73K6-5753 là do ông cùng với Phạm Thị H mua của ông Nguyễn T để sử dụng chung trong gia đình, việc bị cáo sử dụng xe để đi lại sau đó có thực hiện việc trộm cắp tài sản ông hoàn toàn không biết. Hiện

tại, gia đình ông đang thiếu phương tiện đi lại để làm ăn nên đề nghị Hội đồng xét xử cho gia đình ông được nhận lại xe.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản và tiền bồi thường nên không có yêu cầu gì về mặt dân sự.

Tại Bản cáo trạng số 96/CT-VKSBT ngày 07/10/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch truy tố bị cáo Phạm Thị H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án; Về hình phạt bổ sung: miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Về xử lý vật chứng: tuyên trả lại cho bị cáo 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Smash, màu xanh, BKS 73K6 - 5753; Về trách nhiệm dân sự: không xem xét; về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại, Bị cáo có yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có ý kiến tranh luận và đề xuất về mặt hình phạt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa không có ý kiến thay đổi yêu cầu liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và đến trước thời điểm mở phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng đã tiến hành và các quyết định tố tụng đã ban hành đều hợp pháp.

Sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 08/11/2023, bị cáo Phạm Thị H có yêu cầu được xét xử vắng mặt do đang phải điều trị tại Bệnh viện phục hồi chức năng thành phố Đà Nẵng và được thể hiện tại Vi bằng số 499/2023/VB-TPLTT cùng ngày của Văn phòng Thừa phát lại Trọng tín – thành phố Đà Nẵng. Tại Giấy xác nhận đề ngày 05/10/2023 của Bệnh viện phục hồi chức năng thành phố Đà Nẵng xác định Phạm Thị H hiện đang điều trị tại Bệnh viện. Tình trạng sức khỏe hiện tại: Bệnh nhân tỉnh, gọi hỏi biết, chưa nói được, liệt ½ người phải, chưa ngồi được, sinh hoạt phụ thuộc người nhà. Nội dung này phù hợp với xác nhận của Bệnh viện tại Công văn số 847/BVPHCN-KHHTH-CĐT ngày 01/11/2023 và Bệnh án điều trị của Phạm Thị H gửi Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch. Xét việc tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án là hợp lệ, tình trạng hiện tại của bị cáo là không thể đến tham gia phiên tòa được và Vi bằng thể hiện ý chí xin xét xử vắng mặt của bị cáo được lập theo

đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290 của Bộ luật tố tụng hình sự quyết định xét xử vắng mặt bị cáo.

Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng xét sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án, không gây trở ngại cho việc xét xử, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này theo thủ tục chung.

[2] Về tội danh: Xét lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và vật chứng đã thu giữ, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 20/01/2023, Phạm Thị H đã lén lút lấy trộm của chị Phan Thị Hải L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu xanh, dung lượng 256Gb, đã qua sử dụng. Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự xác định giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt là 10.634.000 (mười triệu sáu trăm ba mươi tư nghìn đồng). Hành vi trên của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bồ Trách truy tố đối với bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét hành vi của những người liên quan thấy rằng, đối với ông Nguyễn Văn L1 là người đưa tài sản trộm cắp được của bị cáo đi bán và anh Phạm Tuấn V là người thu mua điện thoại di động từ ông L1 nhưng cả hai đều không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có, nên Cơ quan điều tra Công an huyện Bồ Trách không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những người này là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Xét về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện thấy: Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã nhiều lần bị Tòa án xử phạt tù về tội “Trộm cắp tài sản” nên hoàn toàn nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do bản tính lười lao động, thiếu ý thức tu dưỡng rèn luyện và bất chấp pháp luật nên bị cáo đã cố ý chiếm đoạt trái pháp luật tài sản của người khác nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn làm mất trật tự, trị an xã hội, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, đồng thời có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy:

- Về tình tiết tăng nặng: Theo Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2005/HSST ngày 19/5/2005 của Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai, bị cáo phải chấp hành hình phạt 06 tháng tù, mặc dù bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng không có căn cứ xác định bị cáo đã thi hành xong án phí nên thuộc trường hợp có án tích. Vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

“Tái phạm” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS đối với lần phạm tội này.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại và bị hại có Đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cần áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Về nhân thân: Ngoài lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bị xử phạt hành chính, bị cáo đã nhiều lần phạm tội trộm cắp tài sản bị Tòa án xử phạt tù, trong đó có 01 tiền án theo Bản án số 21 ngày 19/5/2005 của Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai xử phạt 06 tháng tù.

[6] Về hình phạt: Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng, Bị cáo đã nhiều lần bị Tòa án xử phạt tù về hành vi trộm cắp tài sản, đã được giáo dục trong trại giam, nhưng không biết hối cải và lấy đó làm bài học kinh nghiệm để tự tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội với tính chất manh động, liều lĩnh hơn. Điều này thể hiện bị cáo là người rất coi thường pháp luật, khó cải tạo nên cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, cải tạo, đồng thời ngăn ngừa bị cáo tiếp tục phạm tội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo là người không có nghề nghiệp tạo thu nhập ổn định, hiện tại đang phải điều trị phục hồi chức năng sau di chứng nhồi máu não liệt một nửa người nên cần chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên để miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng: Xét các vật chứng đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bô Trách xử lý trong quá trình điều tra là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét lại. Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Smash, BKS 73K6-5753, quá trình điều tra xác định được đây là tài sản chung của bị cáo với ông Nguyễn Văn L1 là người sống chung với bị cáo như vợ chồng, mặt khác xe mô tô không phải là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tuyên trả lại cho người quản lý hợp pháp là phù hợp.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước. Bị cáo, bị hại và người liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Thị H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Về điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 47; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ban

Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

3. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Thị H 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

4. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Phạm Thị H.

5. Về xử lý vật chứng: Trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Smash, màu xanh, BKS 73K6 – 5753 đã qua sử dụng cho bị cáo Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn L1. Vật chứng hiện có tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bồ Trạch và có đặc điểm như mô tả tại Biên bản giao nhận vật chứng đã được lập giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Bồ Trạch với Chi cục thi hành án dân sự huyện Bồ Trạch ngày 16/11/2023.

6. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

7. Về án phí: xử buộc bị cáo Phạm Thị H phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Bị cáo, Bị hại và những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- PV 06 (Phòng HSNV CAQB);
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Bồ Trạch;
- CA huyện Bồ Trạch;
- THADS huyện Bồ Trạch;
- UBND phường Ba Đồn;
- Bị cáo; Bị hại; NLQ;
- THA hình sự; Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Quang Minh